

Số: 275/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân  
vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của  
Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của  
Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của  
Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai  
đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của  
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục  
tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 1775/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết cho phép kéo dài thời gian thực hiện và  
giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024; báo cáo thẩm tra  
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại  
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư  
công năm 2023 sang năm 2024**

1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư  
công năm 2023 sử dụng ngân sách cấp tỉnh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024  
đối với 01 đề án, 02 nhiệm vụ, 35 dự án và số vốn dự kiến phân bổ cho lĩnh vực  
y tế, tổng số vốn 334.197 triệu đồng; gồm:

a) Nguồn ngân sách tập trung: 45.331 triệu đồng (01 đề án và 11 dự án);

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 23.268 triệu đồng (01 nhiệm vụ và 07 dự án);

c) Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 130.427 triệu đồng (01 nhiệm vụ 17 dự án);

d) Nguồn vốn tăng thu năm 2022: 135.171 triệu đồng (01 dự án và số vốn dự kiến phân bổ cho lĩnh vực y tế).

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tổng số vốn 9.552 triệu đồng, gồm:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1.660 triệu đồng (trong đó, ngân sách trung ương: 130 triệu đồng, ngân sách địa phương: 1.530 triệu đồng).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 7.892 triệu đồng (trong đó, ngân sách trung ương: 6.198 triệu đồng, ngân sách địa phương: 1.694 triệu đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

3. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 sử dụng vốn ngân sách cấp huyện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với 67 dự án, tổng số vốn 184.800 triệu đồng, gồm:

STT	Ngân sách huyện/thành phố	Số dự án	Vốn kéo dài (triệu đồng)
1	Thành phố Đà Lạt	8	50.512
2	Huyện Lạc Dương	6	1.359
3	Huyện Lâm Hà	4	18.298
4	Huyện Bảo Lâm	4	258
5	Huyện Di Linh	8	2.752
6	Thành phố Bảo Lộc	20	97.346
7	Huyện Đạ Huoai	6	5.443
8	Huyện Đạ Tẻh	2	1.724
9	Huyện Cát Tiên	9	7.108
	<b>Tổng cộng</b>	<b>67</b>	<b>184.800</b>

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / 150

**Nơi nhận:** ✓

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các bộ: KH và ĐT, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- TT Tích hợp DL và Chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VP, HS kỳ họp.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**K' Mák**



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>20.790.895</b>	<b>7.881.629</b>	<b>1.263.526</b>	<b>1.046.517</b>	<b>708.971</b>	<b>334.197</b>	
A	Nguồn vốn Ngân sách tập trung				841.777	669.511	198.096	122.549	75.561	45.331	
I	Trồng và chăm sóc rừng trồng sau giải toả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn năm 2023 - 2029				13.157	13.157		5.517	0	5.517	
1	Dự án trồng mới năm 2023				12.799	12.799		5.159	0	5.159	
a	Ban quản lý rừng Lâm Viên (4,19 ha)	Đà Lạt		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	557	557		215	0	215	Ban quản lý rừng Lâm Viên
b	Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Nung (16,08 ha)	Đà Lạt		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	2.512	2.512		1.000	0	1.000	Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Nung
c	Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim (42,81 ha)	Lạc Dương		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	6.957	6.957		2.874	0	2.874	Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim
d	Ban quản lý rừng Tân Thượng (1,9 ha)	Di Linh		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	304	304		120	0	120	Ban quản lý rừng Tân Thượng
đ	Ban quản lý rừng phòng hộ Phi Liêng (9,56ha)	Đam Rông		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	1.423	1.423		560	0	560	Ban quản lý rừng phòng hộ Phi Liêng
e	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương (2,99 ha)	Đơn Dương		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	497	497		200	0	200	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương
g	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Huoai (2,77 ha)	Đạ Huoai		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	549	549		190	0	190	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Huoai
2	Bố trí trả nợ dự án đã thực hiện năm 2020				358	358		358	0	358	
a	Ban quản lý rừng phòng hộ Phi Liêng (3,15 ha)	Đam Rông		1658/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	358	358		358	0	358	Ban quản lý rừng phòng hộ Phi Liêng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	Chăm sóc rừng trồng sau giải tỏa các năm theo Đề án tăng cường quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng 2020-2025				1.006	1.006		156	0	156	
	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đa Tềh chăm sóc năm 2 (11,53 ha)	huyện Đa Tềh		1696/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	1.006	1.006		156	0	156	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đa Tềh
III	Bố trí cho các dự án				827.614	655.348	198.096	116.876	75.561	39.658	
III.1	Các dự án dự kiến dứt điểm năm 2023				211.508	211.508	111.556	70.120	55.728	12.736	
1	Đường gom cao tốc Liên Khương - Prenn	Đức Trọng	2020-2023	2006/QĐ-UBND ngày 16/9/2020, 1041/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	62.000	62.000	48.000	12.000	10.257	90	Sở Giao thông Vận tải
2	Dự án nâng cấp bãi chôn lấp rác thải rắn xã Lộc Phú, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	2021-2023	180/QĐ-UBND ngày 21/01/2021	17.769	17.769	5.650	10.300	4.400	5.899	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
3	Xây dựng các tuyến đường GTNT trên địa bàn Di Linh: thôn 4 - thôn 5 xã Tam Bô; đường vào khu SX lớn xã Đinh Lạc đi xã Gia Hiệp; thôn 17 Hòa Bắc đi Hòa Ninh; Cầu La Ôn trên tuyến đường Đinh Trang Hoà - Hoà Trung huyện Di Linh	Di Linh	2021-2023	409/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	56.900	56.900	26.000	23.200	22.560	639	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Di Linh
4	Xây dựng đường Trần Khánh Dư phường Lộc Phát	Bảo Lộc	2021-2023	1713/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	30.000	30.000	16.000	11.000	5.391	5.609	Ban QLDA ĐTXD - UBND thành phố Bảo Lộc

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả sạt lở tại khu vực đầu đường Khe Sanh, phường 10, thành phố Đà Lạt	Đà Lạt	2022-2024	693/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	44.839	44.839	15.906	13.620	13.120	499	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ - UBND thành phố Đà Lạt
III.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				292.106	292.106	86.540	31.756	17.493	14.262	
1	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom nước thải và đường giao thông, hệ thống thoát nước mặt Khu công nghiệp Phú Hội	Đức Trọng	2020-2023	2404/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	124.106	124.106	41.540	11.000	10.391	608	Cty Phát triển hạ tầng KCN Lộc Sơn - Phú Hội
2	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường trung tâm thị trấn Lộc Thắng đi Bauxit Tân Rai (giai đoạn 2)	Bảo Lâm	2022-2024	230/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	45.000	45.000	16.000	1.876	0	1.876	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
3	Xây dựng nâng cấp tuyến đường trục chính trung tâm xã Lộc Quảng huyện Bảo Lâm nối đường Lý Thường Kiệt thành phố Bảo Lộc	Bảo Lâm	2023-2025	1447/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	18.000	18.000	6.000	4.880	1.665	3.215	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
4	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã ba Minh Rồng đi xã Lộc Quảng	Bảo Lâm	2022-2024	218/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	75.000	75.000	15.000	5.000	929	4.071	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước HT1, xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	30.000	30.000	8.000	9.000	4.508	4.492	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
III.3	Đổi ứng vốn NSTW				324.000	151.734	0	15.000	2.340	12.660	
	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men, huyện Đam Rông	Đam Rông		2166/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 2723/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	324.000	151.734		15.000	2.340	12.660	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông
B	Nguồn thu tiền sử dụng đất				358.950	356.950	152.250	118.350	95.079	23.268	
I	Lập đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2045	Đà Lạt		926/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	31.455	31.455		23.000	20.457	2.543	Sở Xây dựng
II	Bố trí cho các dự án				327.495	325.495	152.250	95.350	74.622	20.725	
II.1	Các dự án dự kiến dứt điểm năm 2023				123.750	121.750	74.250	35.350	27.783	7.565	
1	Đường giao thông vào khu dân cư Liêng Trang 1, 2 và đường từ ĐT.722 vào khu sản xuất Pơ Păng, xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	Đam Rông	2020-2023	2465/QĐ-UBND 30/10/2020	38.250	36.250	29.250	2.550	2.448	102	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Sửa chữa cải tạo đường nội bộ tuyến Bắc - Nam, nhánh N3, N4 và xây dựng hệ thống thoát nước mặt phần còn lại khu A thuộc Khu công nghiệp Phú Hội	Đức Trọng	2021-2023	1950/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	40.000	40.000	23.000	13.000	11.504	1.495	Cty Phát triển hạ tầng KCN Lộc Sơn - Phú Hội
3	Nạo vét suối Tân Lập	Đạ Tẻh	2021-2025	248/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	36.500	36.500	17.000	15.800	9.937	5.863	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đạ Tẻh
4	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục thuộc Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Đam Rông	Đam Rông	2022-2023	50/QĐ-SXD ngày 27/4/2022	9.000	9.000	5.000	4.000	3.894	105	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông
V.2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				154.245	154.245	78.000	45.000	33.412	11.587	
1	Xây dựng Trụ Sở HĐND-UBND thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	2020-2024	2058/QĐ-UBND 23/9/2020	109.245	109.245	62.000	25.000	13.670	11.329	Ban QLDA ĐTXD - UBND thành phố Bảo Lộc
2	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường trung tâm thị trấn Lộc Thắng đi Bauxit Tân Rai (giai đoạn 2)	Bảo Lâm	2022-2024	230/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	45.000	45.000	16.000	20.000	19.742	258	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
V.3	Các dự án khởi công mới năm 2023				49.500	49.500	0	15.000	13.427	1.573	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè Quốc lộ 20 đoạn từ Km151+000 đến Km154+350 thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	Di Linh	2023-2025	860/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	49.500	49.500	0	15.000	13.427	1.573	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Di Linh
C	Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				2.390.168	2.355.168	913.180	670.447	538.331	130.427	
I	Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các huyện					30.500	20.000	19.211	788	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	Bố trí cho các dự án				2.390.168	2.355.168	882.680	650.447	519.120	129.639	
II.1	Các dự án dự kiến dứt điểm năm 2023				327.000	327.000	176.000	120.500	106.816	12.017	
1	XD đường liên xã từ xã Rô Men đi xã Liêng Srônh huyện Đam Rông	Đam Rông	2021-2023	1477/QĐ-UBND 10/06/2021	50.300	50.300	28.500	16.700	13.410	3.289	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông
2	Đầu tư 05 trường TH và THCS đạt chuẩn: Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu; Hai Bà Trưng; Lộc Thanh, Nguyễn Khuyến, thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	2020-2023	2958/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	72.000	72.000	37.000	34.100	32.130	309	Ban QLDA ĐTXD - UBND thành phố Bảo Lộc

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Đầu tư xây dựng 04 trường đạt chuẩn quốc gia tại 2 xã Phi Liêng, Đa K'nang, huyện Đam Rông	Đam Rông	2021-2023	1155/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	25.900	25.900	11.500	13.200	12.854	345	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông
4	Xây dựng đường vào khu lưu trữ rác dự phòng tại tiểu khu 474 thôn 2, xã Đại Lào	Bảo Lộc	2021-2023	42/QĐ-SXD ngày 29/3/2021	14.800	14.800	9.000	5.800	1.738	4.061	Ban QLDA ĐTXD - UBND thành phố Bảo Lộc
5	Nâng cấp đường nội thị thị trấn Lộc Thắng (giai đoạn 4)	Bảo Lâm	2021-2023	1609/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	70.000	70.000	40.000	19.300	15.765	3.534	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Bảo Lâm
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối xã Đa K'Nang, huyện Đam Rông với xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà	Đam Rông	2021-2023	1686/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	60.000	60.000	39.000	11.800	11.739	60	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh
7	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Lâm Đồng	Đà Lạt	2022-2025	2784/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	34.000	34.000	11.000	19.600	19.180	419	Tỉnh đoàn Lâm Đồng
II.2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				1.837.068	1.837.068	661.680	466.225	380.290	85.933	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Dự án xây dựng cầu Mô Vệt	Đạ Tẻh	2021-2023	2809/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	60.000	60.000	19.000	15.000	2.908	12.091	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh
2	Xây dựng đường nội thị thuộc quy hoạch chung thị trấn Bàng Lãng (giai đoạn 1)	Đam Rông	2022-2024	142/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	88.500	88.500	22.206	40.000	36.504	3.496	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Đam Rông
3	Đường tránh ngập Hồ thôn 9 xã Hòa Trung	Di Linh	2021-2023	2590/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	27.000	27.000	11.500	6.000	4.740	1.260	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Di Linh
4	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Hòa Ninh - Hòa Nam	Di Linh	2021-2024	1736/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	95.000	95.000	38.000	25.000	23.374	1.626	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Di Linh
5	Đường GT liên xã Phi Tô đi xã Lát, huyện Lạc Dương	Lâm Hà	2021-2024	1311/QĐ-UBND 24/5/2021	214.000	214.000	64.000	55.000	49.478	5.522	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Lâm Hà
6	Đường vành đai thành phố Đà Lạt và cơ sở hạ tầng các khu dân cư	Đà Lạt	2021-2025	3054/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	800.000	800.000	376.974	145.225	99.163	46.062	Sở Giao thông vận tải

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Dự án nâng cấp, mở rộng đèo Prenn, thành phố Đà Lạt	Đà Lạt	2022-2024	1548/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	552.568	552.568	130.000	180.000	164.123	15.876	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh
<b>II.3</b>	<b>Đối ứng các dự án (ODA, PPP và đối ứng khác)</b>				<b>50.000</b>	<b>15.000</b>	<b>45.000</b>	<b>5.000</b>	<b>1.014</b>	<b>3.985</b>	
	Kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn qua Trung tâm huyện lỵ huyện Cát Tiên (giai đoạn 1)	Cát Tiên	2020-2022	3050/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	50.000	15.000	45.000	5.000	1.014	3.985	Ban QLDA ĐTXD và CTCC - UBND huyện Cát Tiên
<b>II.4</b>	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>				<b>176.100</b>	<b>176.100</b>	<b>0</b>	<b>58.722</b>	<b>31.000</b>	<b>27.704</b>	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện II Lâm Đồng	Bảo Lộc	2023-2025	428/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	35.500	35.500		31.400	31.000	382	Bệnh viện II Lâm Đồng
2	Xây dựng cơ sở làm việc cho lực lượng công an xã (26 xã giai đoạn 3)	Các huyện	2023-2025	1772/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	140.600	140.600		27.322	0	27.322	Công an tỉnh
<b>D</b>	<b>Nguồn tăng thu năm 2022</b>				<b>17.200.000</b>	<b>4.500.000</b>		<b>135.171</b>	<b>0</b>	<b>135.171</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn tăng thu từ thuế, phí và các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh</b>				<b>17.200.000</b>	<b>4.500.000</b>		<b>31.176</b>	<b>0</b>	<b>31.176</b>	
	Đối ứng ngân sách địa phương cho dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) giai đoạn 1	Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, Bảo Lộc			17.200.000	4.500.000		31.176	0	31.176	Ban Quản lý giao thông tỉnh
<b>II</b>	<b>Nguồn tăng thu tiền thuê đất, mặt nước</b>				<b>17.200.000</b>	<b>4.500.000</b>		<b>34.877</b>	<b>0</b>	<b>34.877</b>	
	Đối ứng ngân sách địa phương cho dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) giai đoạn 1	Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, Bảo Lộc			17.200.000	4.500.000		34.877	0	34.877	Ban Quản lý giao thông tỉnh
<b>III</b>	<b>Nguồn tăng thu tiền xổ số kiến thiết</b>				<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>69.118</b>	<b>0</b>	<b>69.118</b>	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/01/2024)	Số vốn kéo dài	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Số vốn dự kiến phân bổ thuộc lĩnh vực y tế cho dự án Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám và điều trị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng và dự án Xây dựng, nâng cấp, cải tạo một số hạng mục và mua sắm trang thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng	Khác						69.118	0	69.118	Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng

WS



Phụ lục II

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đvt: Triệu đồng

STT	Các đơn vị/Danh mục chương trình, dự án	Địa điểm	Kế hoạch vốn bố trí năm 2023			Giá trị giải ngân vốn năm 2023 đến ngày 31/01/2024			Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Chủ đầu tư
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
	TỔNG SỐ		148.624	87.159	61.465	138.393	80.627	57.764	9.552	6.328	3.224	
A	Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới		102.261	46.844	55.417	100.001	46.513	53.488	1.660	130	1.530	
1	Huyện Di Linh	Di Linh	59.811	26.079	33.732	58.865	26.079	32.786	980	81	898	UBND huyện Di Linh
2	Huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	27.769	12.108	15.661	27.004	11.813	15.191	134	14	120	UBND huyện Bảo Lâm
3	Thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	10.681	4.657	6.024	10.168	4.657	5.511	512	0	512	UBND thành phố Bảo Lộc
4	Bố trí các dự án thuộc diện hỗ trợ cho các hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022	Các huyện	4.000	4.000	0	3.964	3.964		35	35		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
B	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		46.363	40.315	6.048	38.392	34.114	4.276	7.892	6.198	1.694	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		21.848	18.999	2.849	15.044	13.332	1.711	6.749	5.666	1.083	
1	Phân cấp cho huyện Đức Trọng	Đức Trọng	3.049	2.651	398	1.104	960	144	1.944	1.691	253	UBND huyện Đức Trọng
2	Phân cấp cho huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	4.143	3.603	540	4.065	3.578	486	24	24	-	UBND huyện Bảo Lâm
3	Phân cấp cho huyện Đam Rông	Đam Rông	3.793	3.298	495	3.760	3.270	490	33	28	5	UBND huyện Đam Rông

STT	Các đơn vị/Danh mục chương trình, dự án	Địa điểm	Kế hoạch vốn bố trí năm 2023			Giá trị giải ngân vốn năm 2023 đến ngày 31/01/2024			Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Chủ đầu tư
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
4	Phân cấp cho huyện Đơn Dương	Đơn Dương	3.008	2.616	392	2.678	2.452	226	330	164	166	UBND huyện Đơn Dương
5	Phân cấp cho huyện Lâm Hà (kế hoạch vốn năm 2023)	Lâm Hà	3.215	2.796	419	683	683	-	2.532	2.113	419	UBND huyện Lâm Hà
6	Phân cấp cho huyện Lâm Hà (kế hoạch vốn năm 2022)	Lâm Hà	1.840	1.600	240	-	-	-	1.840	1.600	240	UBND huyện Lâm Hà
7	Phân cấp cho huyện Cát Tiên	Cát Tiên	2.800	2.435	365	2.754	2.389	365	46	46		UBND huyện Cát Tiên
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân di cư ở những nơi cần thiết		9.569	8.319	1.250	9.054	8.319	734	514	0	514	
1	Dự án bố trí, ổn định dân cư thôn 4, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	3.706	3.223	483	3.621	3.223	397	85	-	85	UBND huyện Bảo Lâm
2	Dự án bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Tiểu khu 72, xã Đa Long, huyện Đam Rông	Đam Rông	5.863	5.096	767	5.433	5.096	337	429		429	UBND huyện Đam Rông
III	Dự án 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		11.197	9.736	1.461	10.761	9.403	1.358	415	333	82	
1	Phân cấp cho huyện Di Linh (kế hoạch vốn năm 2023)	Di Linh	6.613	5.750	863	6.568	5.750	818	33	-	33	UBND huyện Di Linh
2	Phân cấp cho huyện Di Linh (kế hoạch vốn năm 2022)	Di Linh	4.584	3.986	598	4.193	3.653	540	382	333	49	UBND huyện Di Linh
IV	Dự án 4: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		3.629	3.156	473	3.434	2.961	473	194	194	0	
1	Xây dựng Trường phổ thông DTNT, THCS Đam Rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	Đam Rông	3.629	3.156	473	3.434	2.961	473	194	194		UBND huyện Đam Rông

STT	Các đơn vị/Danh mục chương trình, dự án	Địa điểm	Kế hoạch vốn bố trí năm 2023			Giá trị giải ngân vốn năm 2023 đến ngày 31/01/2024			Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Chủ đầu tư
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
V	Dự án 6: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		120	105	15	99	99		20	5	15	
1	Huyện Lâm Hà	Lâm Hà	120	105	15	99	99		20	5	15	UBND huyện Lâm Hà

Ư



Phụ lục III

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023 (triệu đồng)	Số vốn giải ngân đến ngày 31/01/2023 (triệu đồng)	Số vốn kéo dài thực hiện và giải ngân trong năm 2024 (triệu đồng)	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công của cấp thẩm quyền	Quyết định giao vốn	Phân loại các trường hợp được phép kéo dài theo quy định	Cơ quan đề xuất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG		806.446	291.264	147.972	184.800				
I	UBND thành phố Đà Lạt		165.926	15.368	12.235	50.512				
1	Sửa chữa, mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN và các đoàn thể phường 2, thành phố Đà Lạt	Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	8.000	8.000	6.491	1.509	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; 3380/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
2	Nâng cấp, mở rộng đường Đinh Công Tráng, thành phố Đà Lạt	Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	14.987	5.624	5.566	58	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 12/NQ-HĐND ngày 08/5/2023	Quyết định 4433/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; 1262/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
3	Điều chỉnh QHCT Khu Quảng trường Lâm Viên 1/500, thành phố Đà Lạt	Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	508	208	119	89	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
4	QHCT Khu Công viên hồ lằng số 1, Phường 8 và Phường 9, thành phố Đà Lạt – tỷ lệ 1/500	Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	1.303	247	60	187	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
5	Quy hoạch phân khu Khu trung tâm thành phố Đà Lạt (765ha)	Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 07/9/2011	1.278	279	0	278	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
6	Hội trường tổ Tự Tạo 1, Phường 11, thành phố Đà Lạt	Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	510	306	0	306	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 23/5/2023; 2665/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
7	Xây mới hội trường Tổ dân phố 10, Phường 3, thành phố Đà Lạt		970	704	0	704	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
8	Xây dựng Nhà ở xã hội An Sơn phục vụ tái định cư, Phường 4, thành phố Đà Lạt		138.370	0	0	47.381		Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh; Thông báo số 460/TB-STC ngày 21/8/2023 của Sở Tài chính	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Đà Lạt
II	UBND huyện Lạc Dương		58.793	15.241	13.880	1.359				
1	Xây dựng nhà thiếu nhi huyện Lạc Dương	QĐ 2308/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh	47.680	9.000	8.743	257	76/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Lạc Dương	1390/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương
2	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chỉnh trang dọc tuyến đường Lang Biang, thị trấn Lạc Dương	Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 16/12/2022; QĐ 453/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện	1.296	591	549	41	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/6/2023 của HĐND huyện Lạc Dương	Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương
3	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chỉnh trang khu dân cư Đan Kia, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương	Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện	1.500	833	582	251	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/6/2023 của HĐND huyện Lạc Dương	Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương
4	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Lạc Dương	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh	1.254	854	560	293	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/6/2023 của HĐND huyện Lạc Dương	Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương
5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh	2.063	1.463	958	505		Quyết định số 64/QĐ-UBND, ngày 16/01/2023 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương

6	Xây dựng trụ sở Công an xã Đa Sar	Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND huyện	5.000	2.500	2.488	12	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/6/2023 của HĐND huyện Lạc Dương	Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND huyện Lạc Dương	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lạc Dương
<b>III UBND huyện Lâm Hà</b>			<b>56.800</b>	<b>18.298</b>	<b>0</b>	<b>18.298</b>				
1	Xây dựng công hợp qua suối Đa Bon, thôn Yên Thành, xã Đa Đồn	Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 của UBND huyện	2.000	2.000	0	2.000	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện	Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lâm Hà
2	Mở rộng đoạn vượt nổi đường vào xóm Bến Tre thôn R'Lom, xã Đa Đồn với Quốc lộ 27	Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 của UBND huyện	1.300	1.300	0	1.300	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện	Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lâm Hà
3	Đường GTNT thôn Đoàn Kết đi thôn Đông Thanh xã Đông Thanh	Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của UBND huyện	13.500	6.998	0	6.998	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện	Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lâm Hà
4	Trường mẫu giáo Đa Đồn	Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND huyện	40.000	8.000	0	8.000	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện	Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Lâm Hà
<b>IV UBND huyện Di Linh</b>			<b>24.881</b>	<b>5.765</b>	<b>3.010</b>	<b>2.752</b>				
1	Đường vào trường THCS Tam Bồ và thôn Hiệp Thành II (nối dài); Đường trong khu dân cư Thôn 2, xã Tân Lâm	Quyết định 1914/QĐ-UBND ngày 30/05/2022	7.000	1.781	1.629	151	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
4	Đường liên xã Thôn 9 Hoà Trung - Sa võ	Quyết định 2315/QĐ-UBND ngày 30/11/2016	3.281	244	0	244	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Gung Ré	Quyết định 276/QĐ-UBND ngày 31/01/2021	2.000	1.080	888	191	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
6	Đường vào khu vực trồng lúa nước của đồng bào các thôn thuộc xã Liên Đàm	Quyết định 3229/QĐ-UBND ngày 16/09/2021	5.100	960	0	960	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
7	Khu công viên vui chơi giải trí	Quyết định 614/QĐ-UBND ngày 18/03/2021	5.000	800	493	306	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
8	Nạo vét hồ chứa nước Đa Ngơ xã Đình Trang Thượng	Quyết định 2795/QĐ-UBND ngày 12/08/2021	2.500	900	0	900	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện	Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Di Linh
<b>V UBND huyện Bảo Lâm</b>			<b>25.300</b>	<b>4.000</b>	<b>3.738</b>	<b>258</b>				
1	Đường giao thông Thôn 1 xã Lộc Nam đi Tà Ngào xã Lộc Thành	2971/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	1.000	967	32	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Bảo Lâm
2	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 293 Hùng Vương, hẻm 279 Trần Phú thị trấn Lộc Thắng	1358/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	2.800	1.000	840	159	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Bảo Lâm
3	Đường giao thông Thôn 1 xã Lộc Nam đi Tà Ngào xã Lộc Thành (giai đoạn 2)	2100a/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	8.000	1.000	970	29	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Bảo Lâm
4	Đường giao thông Đa Giang Thôn 3 xã Lộc Bảo	2100a/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	6.000	1.000	961	38	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Bảo Lâm
<b>VI UBND thành phố Bảo Lộc</b>			<b>446.257</b>	<b>213.788</b>	<b>110.593</b>	<b>97.346</b>				
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Chí Thanh, Phường II	Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 01/09/2021	14.900	4.720	4.271	307	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
2	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi thành phố Bảo Lộc	Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 28/06/2023	118.000	38.000	34.612	3.388	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 29/NQ-HĐND ngày 14/07/2023	Quyết định số Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 19/12/2022; 1726/QĐ-UBND ngày 18/07/2023; 2830/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
3	Nâng cấp đường Cao Bá Quát, thành phố Bảo Lộc	Quyết định 1990/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	58.000	12.031	1.700	10.331	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc

4	Xây dựng hội trường Thành ủy Bảo Lộc	Quyết định 1169/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	25.000	23.716	9.288	14.428	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
5	Xây dựng cơ sở làm việc cho lực lượng công an xã Lộc Châu và xã Đamb'ri	Quyết định 1647/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	11.000	10.500	9.674	826	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
6	Đầu tư công nghệ thông tin phục vụ triển khai chương trình chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Bảo Lộc (giai đoạn 1)	Quyết định 2707/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	27.000	25.000	15.000	10.000	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
7	Xây dựng thao trường quân sự thành phố Bảo Lộc tại xã Đại Lào (giai đoạn 2)	Quyết định 1139/QĐ-UBND ngày 15/05/2023	8.400	8.240	6.647	1.593	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
8	Xây dựng nhà trực chiến Ban chỉ huy quân sự thành phố	Quyết định 2512/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	6.500	4.867	422	4.445	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
9	Nâng cấp, cải tạo Hội trường Khối Mặt trận đoàn thể thành phố	Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	3.900	3.824	1.087	2.737	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
10	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Huy Ích	Quyết định 1781/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	10.500	9.000	6.562	2.438	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
11	Cải tạo, nâng cấp đường Tây Sơn	Quyết định 699/QĐ-UBND ngày 21/03/2023	10.500	9.000	7.012	1.987	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
12	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực và đường Võ Văn Tần	Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	13.000	9.350	367	8.983	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
13	Cải tạo, nâng cấp Quảng trường 28 tháng 3	Quyết định 2370/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	54.499	21.494	500	20.994	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
14	Xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè và cây xanh đường Nguyễn Văn Cừ, xã Lộc Thanh (đoạn từ Cầu Lộc Sơn đến cầu Suối Đò)	Quyết định 2792/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	14.998	7.729	2.905	4.824	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
15	Nâng cấp đường nối Mạc Đình Chi đến đường Nguyễn Tri Phương nối dài	Quyết định 1760/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	14.950	12.136	8.542	3.594	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
16	Nâng cấp, sửa chữa cống hộp xóm 5, Thôn 11 xã Đại Lào	Quyết định 3482/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.800	480	94	386	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
17	Nâng cấp đường số 47 (hẻm 130 đường Lê Đình Chinh), xã Lộc Thanh	Quyết định 2152/QĐ-UBND ngày 08/09/2023	4.948	3.228	1.196	2.032	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 04/10/2023	Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
18	Xây dựng tuyến đường Lê Thị Riêng nối đường Phan Chu Trinh, đường Nguyễn Khắc Nhu xã Lộc Nga đi xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm	Quyết định 2792/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	42.184	4.595	0	3.829	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
19	Lập quy hoạch phân khu 1/2000 tại phường Lộc Phát và xã Đambri	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29/5/2023	5.078	5.078	0	138	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29/5/2023	Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
20	Hội trường Thôn 11, xã Đại Lào	Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 01/09/2021	1.100	800	714	86	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/05/2023	Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	Điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND thành phố Bảo Lộc
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Đa Huoai</b>		<b>9.212</b>	<b>7.912</b>	<b>2.463</b>	<b>5.443</b>				
1	Dự án Hệ thống đèn trang trí đường Hùng Vương và đường Trần Phú thị trấn Madaguoi	Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	4.646	4.646	884	3.761	12/NQ-HĐND ngày 27/6/2023	Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai
2	Dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp Đa Oai huyện Đa Huoai	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	2.142	1.490	490	999	12/NQ-HĐND ngày 27/6/2023	Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai
3	Dự án Quy hoạch chi tiết điểm dân cư tái định cư xã Đa Oai huyện Đa Huoai	Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 03/10/2020	636	636	332	303	12/NQ-HĐND ngày 27/6/2023	Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai
4	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đa Oai đến năm 2030	Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	652	412	364	47	34/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai

5	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phước Lộc đến năm 2030	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	553	336	23	312	34/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai
6	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hà Lâm đến năm 2030	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	584	392	370	21	34/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Huoai
<b>VII UBND huyện Đa Tềh</b>			<b>9.978</b>	<b>1.992</b>	<b>268</b>	<b>1.724</b>				
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Tềh	Quyết định số: 2373/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	9.000	1.014	268	746	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Tềh
2	Lắp đặt hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông tại thị trấn Đa Tềh (giai đoạn 1)	Quyết định số: 2618/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	978	978		978	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐND huyện	Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Đa Tềh
<b>VIII UBND huyện Cát Tiên</b>			<b>9.299</b>	<b>8.900</b>	<b>1.785</b>	<b>7.108</b>				
1	Xây dựng công dân thôn Trung Hưng, thôn Liên Phương, xã Gia Viễn, huyện Cát Tiên.	Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện	4.000	4.000	0	4.000	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 28/11/2023 của HĐND huyện	441/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
2	Xây dựng bờ kè sạt lở suối V20 khu vực chợ Nam Ninh phần thượng lưu thôn Ninh Đại, xã Nam Ninh, huyện Cát Tiên.	Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện	2.950	2.950	0	2.950	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 28/11/2023 của HĐND huyện	441/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
3	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Ngãi đến năm 2030,	Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của UBND huyện Cát Tiên	332	282	258	23	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
4	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đức Phổ đến năm 2030	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Cát Tiên	317	266	243	22	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
5	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Cát Tiên	348	298	274	23	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
6	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Nam Ninh đến năm 2030	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Cát Tiên	345	294	271	22	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
7	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiên Hoàng đến năm 2030	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Cát Tiên	323	276	253	22	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
8	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đồng Nai Thượng đến năm 2030	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/06/2021	342	292	268	23	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên
9	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phước Cát 2 đến năm 2030	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Cát Tiên	342	242	218	23	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/12/2022	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND huyện Cát Tiên

wt